

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

Số: *131*/QĐ-YDHP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày *05* tháng *10* năm *2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/1/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải phòng;

Căn cứ Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ cho Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ thông tư số 15/2014/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho các quy định về tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ trước đây của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Khoa/ Bộ môn, các đơn vị có liên quan và học viên cao học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này *f*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1131/QĐ- YDHP ngày 05 tháng 10 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm: đơn vị đào tạo; tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm. Văn bản này áp dụng đối với các Khoa, Bộ môn (sau đây gọi chung là Đơn vị đào tạo) đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ, các tổ chức và cá nhân tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Thời gian đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện trong hai năm học liên tục.

Chương II: ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Điều 4. Trách nhiệm Phòng Đào tạo Sau đại học và các đơn vị đào tạo.

1. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết về tổ chức, quản lý đào tạo và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành được giao nhiệm vụ hoặc cho phép đào tạo.

3. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo.

4. Tổ chức tuyển sinh theo chỉ tiêu đã được xác định hàng năm.

5. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

6. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên, quản lý việc thi và cấp chứng chỉ, bảng điểm học tập.

7. Đề xuất danh sách học viên trúng tuyển, danh sách công nhận tốt nghiệp.

8. Cấp bảng điểm, quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.

9. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.

10. Công bố công khai các văn bản quy định đào tạo trình độ thạc sĩ về: chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy. Kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm của các chuyên ngành đã được giao hoặc cho phép đào tạo. Danh sách học viên trúng tuyển, danh sách học viên tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ trên trang thông tin điện tử (Website) của nhà trường. Cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

11. Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo thường xuyên với Ban Giám hiệu về công tác đào tạo Thạc sĩ.

12. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Bộ Giáo dục & Đào tạo và lưu trữ.

Điều 5. Giảng viên.

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Giảng viên phải có những tiêu chuẩn sau đây:

a) Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;

b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo:

- Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư đối với giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.

- Có bằng thạc sĩ, giảng viên chính đối với giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ, học phần thuộc phần kiến thức chung hoặc giảng viên hướng dẫn học viên thực hành, thực tập.

c) Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy.

d) Lý lịch bản thân rõ ràng.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

1. Nhiệm vụ của giảng viên:

a) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Giảng dạy các học phần, hướng dẫn thực hành, thực tập;

c) Hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

d) Tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ;

e) Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học;

f) gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của cơ sở đào tạo. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong ứng xử với học viên;

g) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

2. Quyền của giảng viên:

a) Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo;

b) Giảng viên có chức danh giáo sư được hướng dẫn (kể cả đồng hướng dẫn) tối đa bảy học viên, giảng viên có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn tối đa năm học viên, giảng viên có bằng tiến sĩ (sau khi có Quyết định nhận học vị tiến sĩ 1 năm) được hướng dẫn tối đa ba học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác, những cán bộ không thuộc biên chế hoặc giảng viên kiêm chức của nhà trường nếu tham gia hướng dẫn cần phải gửi lý lịch khoa học về phòng đào tạo sau đại học trước khi tham gia hướng dẫn tối thiểu 06 tháng. Phòng Sau đại học tập hợp trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt;

c) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

d) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Nhiệm vụ của học viên:

- a) Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo;
- b) Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học;
- c) Đóng học phí và kinh phí đào tạo theo quy định (những học viên ngoài biên chế nhà nước phải đóng kinh phí đào tạo).
- d) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở đào tạo, không được dùng bất cứ áp lực nào đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên để có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học theo ý muốn chủ quan;
- e) Chấp hành nội quy, quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo;
- f) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của cơ sở đào tạo;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

2. Quyền của học viên:

- a) Được cơ sở đào tạo cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của mình;
- b) Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo;
- c) Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương III: TUYỂN SINH

Điều 8. Thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức vào tháng 8 hàng năm theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo và tối đa 02 lần mỗi năm. Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế của Trường để xác định số lần tuyển sinh và thời điểm tuyển sinh cho từng năm.

2. Các môn thi tuyển gồm: môn ngoại ngữ, môn cơ sở và môn chuyên ngành

a. Môn ngoại ngữ: Môn thi và trình độ theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo hiện hành.

b. Môn cơ sở của chuyên ngành đào tạo theo đề nghị của đơn vị đào tạo trong khung chương trình đã được Hội đồng khoa học giáo dục nhà trường phê duyệt.

c. Môn chuyên ngành: theo ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.

Điều 9. Điều kiện dự thi

1. Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện về văn bằng và kinh nghiệm công tác chuyên môn sau:

Về văn bằng:

Người dự tuyển thi thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học gắn với ngành, với chuyên ngành dự thi phải có chứng chỉ bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

- Thí sinh tốt nghiệp bác sĩ, cử nhân trong khối ngành sức khỏe có thâm niên công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe từ 01 năm trở lên, riêng đối với thí sinh tốt nghiệp bác sĩ, cử nhân ngành phù hợp đạt loại khá trở lên được đăng ký dự thi ngay.

2. Có đủ sức khỏe để học tập.

3. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 10. Đối tượng và chính sách ưu tiên.

1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí

sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh);

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 9 Chương II tại Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập;

2. Chính sách ưu tiên:

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ sở;

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

Điều 11. Đăng ký dự thi

1. Thông báo tuyển sinh ít nhất 3 tháng trước khi thi tuyển.

2. Thông báo được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

3. Phòng Đào tạo Sau đại học báo cáo hội đồng tuyển sinh để tổ chức nhận, duyệt hồ sơ, lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh chậm nhất 15 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh.

1. Hiệu Trường Nhà trường quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

Thành phần Hội đồng gồm: chủ tịch, các phó chủ tịch, uỷ viên thường trực và các uỷ viên.

- a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc Phó Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học;
- d) Các ủy viên: một số trưởng đơn vị hoặc phó trưởng đơn vị (Khoa, Bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ thi;

2. Chủ tịch Hội đồng, phó chủ tịch Hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

3. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho Hội đồng.

Điều 13. Bộ máy giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh của cơ sở đào tạo bao gồm: Hội đồng xét duyệt hồ sơ, ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban phúc khảo, sau đây gọi tắt là các ban của Hội đồng.

2. Thành phần các ban của Hội đồng được quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

3. Các Ban của Hội đồng, các Trưởng ban và các ủy viên có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 14. Thời gian thi và phòng thi.

1. Thời gian làm bài thi môn cơ sở và môn chuyên ngành theo hình thức tự luận là 180 phút, thời gian làm bài môn ngoại ngữ 120 phút.

2. Thời gian thi tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức liên tục trong các ngày. Lịch thi cụ thể từng môn do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

3. Trước kỳ thi chậm nhất một tuần, Hội đồng tuyển sinh phải chuẩn bị xong địa điểm thi với đủ số phòng thi cần thiết. Mỗi phòng thi bố trí tối đa 30 thí sinh.

Phòng thi phải đủ ánh sáng, bàn ghế đủ rộng, khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề ít nhất là 1,2m.

Điều 15. Đề thi.

1. Yêu cầu và nội dung đề thi:

- a) Đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đạt được yêu cầu kiểm tra những kiến thức cơ bản, khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của thí sinh trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học;
- b) Nội dung đề thi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ mang tính tổng hợp, bám sát và bao quát toàn bộ chương trình môn thi đã được công bố. Lời văn, câu chữ, số liệu, công thức, phương trình phải chính xác, rõ ràng;
- c) Đề thi phải đảm bảo yêu cầu đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh, phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;
- d) Dạng thức của đề thi môn ngoại ngữ: do cơ sở đào tạo quyết định;
- e) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về nội dung đề thi của cơ sở đào tạo.

2. Việc ra đề thi sử dụng ngân hàng đề thi.

- a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi, thì ngân hàng phải có ít nhất 100 câu hỏi để xây dựng thành ít nhất 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có ít nhất 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy ít nhất 3 đề thi;
- b) Trong trường hợp ra từng đề độc lập, mỗi môn thi phải có ít nhất 3 đề do 3 người khác nhau thực hiện.

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người ra đề độc lập, tiếp nhận đề thi và bí mật tên người ra đề thi. Người ra đề thi không được phép tiết lộ về việc đã được giao nhiệm vụ làm đề thi. Người ra đề không được là người đã hoặc đang phụ đạo, hướng dẫn ôn tập cho thí sinh;

c) Khi nhận đề thi từ người ra đề thi độc lập, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký giáp lai vào phong bì đề thi, đóng dấu niêm phong trước sự chứng kiến của người nộp đề thi và cất giữ theo quy trình bảo mật.

3. Nơi làm đề thi phải biệt lập, an toàn, bảo mật, kín đáo. Người làm việc trong khu vực phải có phù hiệu và chỉ hoạt động trong phạm vi được phép.

4. Quy trình ra đề thi, bảo mật đề thi và xử lý các sự cố bất thường của đề thi thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 16. Tổ chức thi và chấm thi tuyển sinh.

Việc tổ chức thi tuyển sinh và chấm thi tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 17. Thang điểm chấm thi và xử lý kết quả chấm thi.

1. Thang điểm chấm thi:

a) Thang điểm chấm thi môn chuyên ngành và môn cơ sở theo hình thức tự luận là thang điểm 10. Các ý nhỏ được chấm điểm lẻ đến 0,25 điểm; Thang điểm chấm thi môn chuyên ngành và môn cơ sở theo hình thức trắc nghiệm có thể theo thang điểm khác, nhưng điểm toàn bài phải quy về thang điểm 10;

b) Cán bộ chấm bài thi theo thang điểm và đáp án chính thức đã được Trường ban Chấm thi phê duyệt.

2. Xử lý kết quả chấm thi: ban thư ký so sánh kết quả hai lần chấm thi và xử lý kết quả chấm thi như sau:

a) Nếu kết quả hai lần chấm thi giống nhau thì giao túi bài thi cho hai cán bộ chấm thi ghi điểm vào bài thi rồi cùng ký tên xác nhận vào bài thi; trường hợp điểm toàn bài giống nhau nhưng điểm thành phần lệch nhau thì hai cán bộ chấm thi cùng kiểm tra và thống nhất lại điểm theo đáp án quy định;

b) Nếu kết quả hai lần chấm lệch nhau 0,5 điểm (theo thang điểm 10) thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho trưởng môn chấm thi quyết định điểm cuối cùng. Trưởng môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận vào bài thi;

c) Nếu kết quả hai lần chấm lệch nhau từ 1 điểm trở lên (theo thang điểm 10) thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho trưởng môn chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba trực tiếp vào bài làm của thí sinh bằng mực màu khác. Trong trường hợp này, nếu kết quả của hai trong số ba lần chấm giống nhau thì lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức. Nếu kết quả của hai trong ba lần chấm vẫn lệch

nhau thì Trưởng môn chấm thi lấy điểm trung bình cộng của ba lần chấm làm điểm cuối cùng. Trưởng môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận;

d) Những bài thi cộng điểm sai phải sửa lại ngay.

Điều 18. Tổ chức phúc khảo và giải quyết khiếu nại điểm bài thi.

1. Việc tổ chức phúc khảo và giải quyết khiếu nại điểm bài thi được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả phúc khảo. Hội đồng kiểm tra kết quả phúc khảo có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa Hội đồng kiểm tra kết quả phúc khảo với người chấm lần đầu, người chấm phúc khảo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Điều 19. Thẩm định kết quả tuyển sinh.

Việc tổ chức thẩm định kết quả tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 20. Trúng tuyển.

1. Thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 ở các môn thi chuyên ngành, môn thi cơ sở. Môn ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định hiện hành của Thủ tướng cơ sở đào tạo.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được xác định cho từng chuyên ngành và tổng điểm thi các môn thi (trừ môn ngoại ngữ) của từng thí sinh, Phòng Đào tạo Sau đại học xác định số lượng thí sinh trúng tuyển và báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi như nhau (đã cộng cả điểm ưu tiên) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- Người có điểm môn chuyên ngành cao hơn;
- Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG
CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM**

ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Điều 21. Công nhận trúng tuyển .

1. Sau khi có kết quả thi tuyển, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng nhà trường kết quả thi tuyển, duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, ký Quyết định công nhận trúng tuyển và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ Quyết định công nhận học viên cao học, Phòng Đào tạo Sau đại học gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

Chương IV: CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 22. Chương trình đào tạo.

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thời lượng tối thiểu 60 tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết học thực hành, thí nghiệm, 45 giờ lâm sàng, viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp. Đối

với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

2. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

3. Thời gian đào tạo: 2 năm học tập trung liên tục

4. Cấu trúc chương trình đào tạo (Khung chương trình đào tạo):

- Các môn học chung gồm Ngoại ngữ và triết học: 6 tín chỉ.

- Môn tự chọn: 30% khối lượng chương trình đào tạo

- Luận văn tối thiểu 7 tín chỉ.

Các môn học phải thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo, nội dung đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần đào tạo ở trình độ thạc sĩ. Các môn học đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao những kiến thức đã học ở trình độ đại học; tăng cường kiến thức liên ngành; có đủ năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành hoặc chuyên ngành được đào tạo. Trong những trường hợp cần thiết, phần kiến thức ở trình độ đại học được nhắc lại nhưng không quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 23. Tổ chức đào tạo.

1. Sau khi có kết quả thi tuyển, nhà trường sẽ xếp lịch học cho các đối tượng Sau đại học, căn cứ vào lịch chung của Nhà trường, Đơn vị đào tạo lập kế hoạch học tập cụ thể và gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học trước tháng 5 hàng năm.

2. Phòng Đào tạo Sau đại học giới thiệu học viên về học tại đơn vị đào tạo theo lịch học, trong quá trình học chứng chỉ, đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm giảng dạy và quản lý học viên, sau 01 tháng về học chứng chỉ chuyên ngành, đơn vị đào tạo báo cáo về Phòng Đào tạo Sau đại học tình hình học viên.

3. Đánh giá môn học: Căn cứ vào nội dung học tập của từng môn học Đơn vị đào tạo ra 03 đề thi cho mỗi môn thi và thời gian làm bài cho mỗi môn thi là 120 phút, các chứng chỉ chuyên ngành và phần thi Lâm sàng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thi cho học viên và gửi điểm về phòng đào tạo sau đại học muộn

nhất sau ngày thi 2 tuần. Các điểm đánh giá môn học được chấm theo thang điểm 10, nếu cho điểm lẻ thì chỉ lẻ 0,25 điểm.

4. Điều kiện dự thi kết thúc môn học: Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau.

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học.

b) Tham dự đầy đủ các buổi học lâm sàng, thực hành.

- Những học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.

- Những học viên có điểm môn học không đạt yêu cầu sẽ được dự thi lại lần 2, lịch thi lại lần 2 do Phòng Đào tạo Sau đại học và đơn vị đào tạo sắp xếp. Với kết quả thi lại mà điểm môn học vẫn không đạt yêu cầu, học viên phải học cùng với cao học khóa tiếp sau và phải tự túc kinh phí học tập.

- Những học viên có 3 môn trở lên phải thi lại hoặc có 1 môn thi lại lần 3 vẫn không đạt yêu cầu học viên sẽ bị buộc thôi học.

- Các khiếu nại về điểm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 2 tuần sau ngày công bố kết quả.

- Việc chấm thi môn học do các giáo viên có đủ các điều kiện trong Điều 5 của quy định này.

- Kết quả môn học gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học phải có chữ ký của cán bộ chấm thi và Trưởng đơn vị đào tạo.

- Các chuyên ngành đào tạo gửi điểm các chứng chỉ chuyên ngành về Phòng Đào tạo Sau đại học trước tháng 10 hàng năm.

Điều 24. Đề tài và đề cương luận văn thạc sĩ.

1. Đề tài: Đề tài nghiên cứu được xác định riêng cho từng học viên, không được trùng lặp, phù hợp với chuyên ngành và mã số đào tạo. Đề tài cần được giao sớm cho học viên, chậm nhất là 08 tháng trước khi tốt nghiệp.

Đề tài thạc sĩ phải được thực hiện chủ yếu tại các đơn vị của trường, tại các phòng thí nghiệm và bệnh phòng thuộc các Bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, có trang thiết bị và độ tin cậy khoa học cao. Những đề tài tiến hành ở cộng đồng phải có sự hướng dẫn, theo dõi thường xuyên của thầy hướng dẫn và sự giám sát của đơn vị đào tạo.

2. Đề cương: Trước khi thực hiện đề tài luận văn, học viên phải viết đề cương nghiên cứu trong đó phải thể hiện được:

- a) Họ và tên học viên;
- b) Cơ sở đào tạo;
- c) Tên đề tài, Ngành/chuyên ngành, mã số đào tạo;
- d) Cơ sở khoa học và thực tiễn của đề tài;
- e) Mục đích của đề tài (các kết quả cần đạt được);
- f) Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu;
- g) Dự kiến kết quả nghiên cứu;
- h) Dự kiến bàn luận; Dự kiến kết quả nghiên cứu; Tài liệu tham khảo; Phiếu thu thập thông tin; Phiếu điều tra.
- i) Kế hoạch thực hiện (đề tài được thực hiện trong khoảng thời gian từ 9 tháng đến 1 năm);
- j) Kinh phí cho đề tài;
- k) Kiến nghị về người hướng dẫn;

Đề cương luận văn thạc sĩ ít nhất 20 trang khổ A4. fonte chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 hoặc 14, cách dòng 1,5 lines;

Sau khi có ý kiến của thầy hướng dẫn, học viên gửi đề cương về Phòng Đào tạo Sau đại học. Phòng Đào tạo Sau đại học trình Ban Giám hiệu ra quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương cho học viên (hội đồng gồm 5 thành viên, có 01 thầy hướng dẫn trong hội đồng). Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức duyệt đề cương cho học viên (có hướng dẫn chương trình tổ chức thông qua đề cương kèm theo). Sau khi thông qua đề cương, học viên phải sửa chữa theo góp ý của các

thành viên Hội đồng và đề cương có xác nhận của thầy hướng dẫn về Phòng ĐTSĐH muộn nhất 14 ngày sau khi thông qua đề cương.

Thời gian tổ chức thông qua đề cương từ tháng 10 đến tháng 12 hằng năm. Quá thời hạn trên học viên chưa hoàn thành việc thông qua đề cương sẽ để lại cùng khóa sau.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng, Hiệu trưởng ra quyết định về việc giao đề tài và người hướng dẫn cho học viên trước khi kết thúc khóa học ít nhất 6 tháng.

Căn cứ vào đề cương nghiên cứu đã duyệt, học viên thực hiện đề tài theo đúng tiến độ đã đề ra, những trường hợp có thay đổi đề tài hoặc thay đổi thầy hướng dẫn chỉ được thực hiện sau khi thông qua đề cương muộn nhất 02 tháng. Nếu vì lý do nào đó không thể thực hiện được đề tài luận văn đã được duyệt học viên phải đăng ký nhận đề tài mới với khoá sau, không được phép đổi đề tài trong quá trình thực hiện luận văn.

Kết quả đánh giá thông qua đề cương luận văn của học viên sẽ công bố ngay trong buổi đánh giá đề cương luận văn của học viên đó.

Điều 25. Luận văn thạc sĩ.

1. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định giao đề tài luận văn và người hướng dẫn. Mỗi luận văn thạc sĩ có tối đa hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai. Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc phó giáo sư hướng dẫn tối đa 5 học viên, người sau khi nhận học vị tiến sĩ sau 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác.

2. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

3. Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

4. Tháng 8 hàng năm Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ xếp lịch dự kiến bảo vệ cho học viên (căn cứ vào đề nghị của đơn vị đào tạo).

Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện:

- a) Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo;
- b) Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
- d) Đóng học phí và lệ phí đầy đủ theo quy định.
- e) Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định.

5. Luận văn thạc sĩ có tối thiểu 20.000 chữ (khoảng >60 trang không kể bảng biểu, đồ thị, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo), trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và bàn luận của riêng học viên (có hướng dẫn riêng về cách trình bày luận văn thạc sĩ).

a) Căn cứ vào lịch bảo vệ, học viên hoàn thiện luận văn và nộp hồ sơ xin bảo vệ về Phòng Đào tạo Sau đại học hồ sơ bảo vệ gồm:

- Luận văn hoàn chỉnh, hình thức đúng quy định, có ý kiến đồng ý đưa ra bảo vệ của người hướng dẫn (nộp về Phòng Đào tạo Sau đại học 06 cuốn);
- Lý lịch khoa học của học viên (có mẫu);
- Kết quả học tập của học viên có xác nhận của đơn vị đào tạo;
- Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định;
- Giấy xác nhận đóng học phí và lệ phí học tập.

b) Thời gian: hồ sơ xin bảo vệ của học viên về Phòng Đào tạo Sau đại học trước ngày bảo vệ của học viên ít nhất là 15 ngày làm việc.

c) Phòng Đào tạo Sau đại học trình Ban Giám hiệu ra Quyết định thành lập Hội đồng chấm và gửi quyết định, giấy mời về đơn vị đào tạo, các thành viên hội đồng ít nhất là 7 ngày.

d) Học viên gửi luận văn, Quyết định, giấy mời đến các thành viên Hội đồng và người hướng dẫn.

Điều 26. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn thạc sĩ được đánh giá công khai tại Hội đồng chấm luận văn, tổ chức bảo vệ luận văn tại phòng Đào tạo Sau đại học (có hướng dẫn chương trình tổ chức bảo vệ luận văn kèm theo).

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 thành viên gồm: chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và 01 uỷ viên trong đó có ít nhất 2 thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ được đảm nhận một chức trách trong Hội đồng.

Người hướng dẫn khoa học không là thành viên Hội đồng.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng:

a) Các thành viên Hội đồng phải có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên, hoặc chức danh giáo sư, Phó giáo sư cùng ngành, chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài luận văn;

b) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu đề tài luận văn. Người phản biện không được là đồng tác giả với người bảo vệ trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận văn (nếu có);

d) Các thành viên hội đồng là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn;

4. Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các nhận xét, đánh giá của mình về luận văn.

5. Không tiến hành bảo vệ luận văn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Học viên không đủ sức khoẻ trong thời điểm bảo vệ;

b) Vắng mặt chủ tịch Hội đồng hoặc thư ký Hội đồng;

c) Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn;

d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

6. Thang điểm đánh giá luận văn thạc sĩ:

Các thành viên cho theo thang điểm 10, được lẻ đến 0,25 điểm.

Kết luận hội đồng theo phiếu điểm sau:

Điểm cho luận văn:

- + Không đạt : (<5 ^d)
- + Trung bình: (5-6,99^d)
- + Khá: (7- 8,99^d)
- + Giỏi: (9 - 9,49^d)
- + Xuất sắc: ($\geq 9,5$ ^d)

Kết luận hội đồng “Luận văn Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình trên 5,0 điểm và “Không Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình dưới 5,0 điểm và học viên sẽ phải bảo vệ lại.

7. Sau khi bảo vệ luận văn đạt yêu cầu, học viên sửa chữa luận văn theo yêu cầu của Hội đồng chấm, có xác nhận của thầy hướng dẫn.

a) Nộp 01 đĩa CD ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về thư viện.

b) Nộp 01 đĩa CD ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về Phòng ĐTSĐH.

Học viên hoàn tất các thủ tục trước khi nhận quyết định trả về cơ quan công tác khi sửa xong và nộp luận văn theo quy định (chậm nhất 15 ngày sau khi bảo vệ luận văn).

8. Học viên bảo vệ luận văn không đạt yêu cầu được sửa chữa để bảo vệ lần thứ hai. Lịch bảo vệ lần thứ hai của khoá học phải được ấn định sau ngày cuối cùng của kỳ bảo vệ lần thứ nhất từ sáu đến chín tháng hoặc cho phép bảo vệ luận văn với khoá kế tiếp, học viên phải tự túc kinh phí bảo vệ. Không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba.

9. Những trường hợp học viên bảo vệ không đúng kế hoạch đã ấn định phải làm đơn xin hoãn, có xác nhận của thầy hướng dẫn và đơn vị đào tạo, gửi trước ngày bảo vệ theo lịch ít nhất 15 ngày.

Để có lịch bảo vệ mới yêu cầu bắt buộc phải có đầy đủ bản nhận xét của các thành viên trong Hội đồng chấm. Những trường hợp bảo vệ ngoài thời gian đã quy định cho khoá học, học viên phải tự túc hoàn toàn kinh phí tổ chức bảo vệ theo quy định của nhà trường.

10. Những trường hợp không hoàn thành luận văn đúng thời hạn để bảo vệ, học viên phải làm đơn xin kéo dài thời hạn đến kỳ bảo vệ lại của khoá (nếu có) hoặc bảo vệ cùng với khoá sau và phải đóng kinh phí do quá hạn theo quy định của Nhà trường.

Điều 27. Những thay đổi trong quá trình đào tạo.

Trong quá trình học, học viên có thể xin tạm ngừng học tập không quá một lần để học với khoá tiếp theo (học viên phải làm đơn xin bảo lưu kết quả có ý kiến của cơ quan công tác và đơn vị đào tạo).

Học viên bị đình chỉ học tập, không hoàn thành chương trình các môn học hoặc không hoàn thành luận văn đúng thời hạn quy định (kể cả thời hạn đã được kéo dài) thì kết quả học tập đã đạt được sẽ bị hủy bỏ.

1. Học viên viết đơn gửi Ban giám hiệu xin ngừng học tập và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc thai sản;
- b) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân;
- d) Được cử đi học tập nâng cao kiến thức chuyên môn tại nước ngoài thời gian liên tục trên 2 tháng.

Học viên ngừng học tập và bảo lưu kết quả học tập khi muốn trở lại học tiếp tại cơ sở đào tạo, phải viết đơn gửi Phòng Đào tạo Sau đại học vào thời điểm hết thời hạn bảo lưu. (Riêng mục a khoản 1 điều 27 học viên có thể được bảo lưu kết quả thi tuyển sinh, còn các mục khác học viên phải học ít nhất 01 học kỳ tại trường).

2. Chuyển cơ sở đào tạo:

- a) Học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo khi:
 - Trong thời gian học tập, nếu học viên chuyển vùng cư trú, có giấy xác nhận của địa phương;

- Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển cơ sở đào tạo quy định tại điểm b khoản này.

b) Học viên không được phép chuyển cơ sở đào tạo trong:

- Đang học kỳ cuối khóa;

- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

c) Điều kiện được phép chuyển cơ sở đào tạo:

- Cơ sở đào tạo nơi chuyển đến phải có cùng chuyên ngành đào tạo với cơ sở đào tạo nơi chuyển đi;

- Được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi xin chuyển đi và nơi xin chuyển đến.

d) Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo:

- Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải làm hồ sơ xin chuyển.

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi đến quy định Hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo.

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến ra quyết định tiếp nhận học viên, quyết định công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh với chương trình ở cơ sở đào tạo học viên xin chuyển đi.

Điều 28. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ.

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành;

b) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại khoản 4 Điều 25

c) Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

2. Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Bằng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung học tập toàn khóa, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách Hội đồng chấm luận văn.

Điều 29. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo:

a) Sau mỗi kỳ thi tuyển sinh chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản về tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh;

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm: số lượng học viên nhập học, số lượng học viên đang học, số lượng học viên dự kiến tốt nghiệp và dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh, số lượng tuyển sinh (Phụ lục I);

2. Lưu trữ:

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của cơ sở đào tạo phải được bảo vệ, bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Việc thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, Quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Phòng Đào tạo Sau đại học;

c) Tài liệu liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác là tài liệu lưu trữ được bảo quản có thời hạn theo quy định;

d) Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V: THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Thanh tra, kiểm tra.

1. Nhà trường sẽ thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra các đơn vị đào tạo và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh, công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà trường theo các quy định hiện hành.

3. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: công tác tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo, tổ chức thi và lưu trữ bài thi, cấp bằng. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được thông báo cho đơn vị đào tạo bằng văn bản.

4. Ủy ban nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình chỉ đạo kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về giáo dục 27 trong việc công khai chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ của các cơ sở đào tạo trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm quy định của cơ sở đào tạo và của học viên.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 32. Xử lý vi phạm.

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh: Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo:

a) Đối với học viên:

- Học viên khi dự kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần nếu vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

- Học viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

- Khai man hồ sơ để được dự thi, hưởng chính sách ưu tiên hoặc để hưởng thâm niên trong công tác tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học.

b) Đối với cán bộ, giảng viên: Cán bộ và giảng viên tham gia giảng dạy tại cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Đối với Thủ trưởng cơ sở đào tạo:

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở mình;

- Nếu cơ sở đào tạo vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm Thủ trưởng cơ sở đào tạo sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Áp dụng Quy chế đối với chương trình và tổ chức đào tạo Quy định này được áp dụng từ khi ban hành. Trong quá trình thực hiện Nhà trường sẽ xem xét sửa đổi hoặc bổ sung, để hoàn thiện hơn./.

Chương VII: PHỤ LỤC VÀ MỘT SỐ YẾU CẦU THỰC HIỆN LUẬN VĂN THẠC SĨ

1. Yêu cầu về nội dung và hình thức trình bày đối với luận văn thạc sĩ:

1.1. Yêu cầu về nội dung: Luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học độc lập của học viên cao học, là một yêu cầu bắt buộc nhằm đánh giá khả năng của học viên trong việc ứng dụng các nội dung môn học trong chương trình để giải quyết một vấn đề mang tính thực tiễn hoặc thực hiện một nghiên cứu mang tính học thuật.

1.2. Yêu cầu về quy mô và hình thức trình bày:

1.2.1. Quy mô và cấu trúc của Luận văn.

Luận văn được trình bày từ 20.000 đến 25.000 chữ (khoảng 60 đến 80 trang, không kể các trang ảnh, tài liệu tham khảo và phụ lục kèm theo). Số chương của mỗi luận văn thông thường bao gồm các nội dung sau:

a) Phân đặt vấn đề: (1 - 2 trang)

Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.

b) Chương 1: Tổng quan (15-20 trang)

Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài Luận văn; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận văn cần tập trung nghiên cứu, giải quyết (mục tiêu nghiên cứu).

c) Chương 2: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu (5-8 trang), địa điểm, thời gian nghiên cứu, chọn đối tượng, cỡ mẫu, các chỉ tiêu nghiên cứu, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu sẽ được sử dụng trong luận văn.

d) Chương 3: Kết quả nghiên cứu (20-25 trang).

e) Chương 4: Bàn Luận (15-25 trang).

Chương 3 và 4: Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận văn hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo, có biện luận, phân tích so sánh, lý giải sự khác biệt.

f) Kết luận: (1-2 trang) Trình bày những kết quả mới và nổi bật của luận văn một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm. Kết luận phải tương xứng với mục tiêu nghiên cứu.

g) Kiến nghị: Dựa trên kết quả đã nghiên cứu đề xuất về những nghiên cứu tiếp theo, những nội dung cần triển khai.

1.2.2. Về hình thức trình bày

a) Hình thức thể hiện tổng quan bao gồm các phần sau:

- Các trang bìa, gồm:

+ Bìa cứng in chữ nhũ đủ dấu tiếng Việt màu bìa theo quy định của Nhà trường trong bộ nhận diện thương hiệu trường Đại học Y Dược Hải Phòng

(xem Phụ lục 1)

+ Trang phụ bìa (xem Phụ lục 2)

- Lời cam đoan: được đặt ở ngay sau trang phụ bìa.
- Lời cảm ơn
- Danh mục các chữ viết tắt (nếu có).
- Mục lục: (xem Phụ lục 3).
- Danh mục các bảng, biểu, sơ đồ, hình vẽ .
- Đặt vấn đề (từ đây bắt đầu đánh số trang theo chữ số Ả rập: 1, 2, 3,)
- Chương 1
- Chương 2
- Chương 3
- Chương 4
- Kết luận
- Danh mục tài liệu tham khảo: Chi bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận văn và được trình bày theo quy định.
- Phụ lục.
- Gáy luận văn in các thông tin: Họ tên học viên, Ngành/chuyên ngành đào tạo, Hải Phòng - năm.

b) Về chi tiết trình bày:

- Luận văn phải trình bày rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, các số liệu không trình bày nhiều lần để kéo dài trang luận văn (ví dụ: cùng 1 kết quả không được biểu diễn bằng bảng và cả đồ thị); luận văn phải đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.
- Soạn thảo văn bản: Luận văn sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, và đánh số trang từ phần đặt vấn đề theo chữ số Ả Rập (1,2,3...)

- Tiêu mục: Các tiêu mục của luận văn được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 4).

- Bảng biểu, hình vẽ, phương trình: Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ “Nguồn: Bộ Y tế - 1996”. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong Danh mục Tài liệu tham khảo. Tên của bảng ghi phía trên bảng và tên hình vẽ, sơ đồ, biểu đồ ghi phía dưới hình vẽ, sơ đồ, biểu đồ. Không sử dụng tiếng nước ngoài trong các hình ảnh, sơ đồ..

- Viết tắt: Hạn chế sử dụng chữ viết tắt trong luận văn. Chỉ viết tắt những từ, những cụm từ, thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận văn hoặc có tính phổ biến. Nếu luận văn phải sử dụng nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các từ viết tắt. Các chữ viết tắt sắp xếp trong danh mục chữ viết tắt theo trình tự ABC

2. Tài liệu tham khảo và trích dẫn.

2.1. Tài liệu tham khảo:

+ Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận văn, luận án, khóa luận, bài báo....

+ Trích dẫn tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo nghiên cứu khoa học (làm tăng giá trị đề tài nghiên cứu nhờ có đối chiếu, tham khảo, so sánh,... với các nguồn tài liệu từ bên ngoài, thể hiện rõ nguồn gốc các thông tin thu thập được) và với người viết báo cáo (phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả năng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin; bồi dưỡng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tránh hành động đạo văn...).

2.2. Một số nguyên tắc về trích dẫn tài liệu tham khảo: Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn và sử dụng trong các phần đặt vấn đề, tổng quan, phương pháp

nghiên cứu, bàn luận. Phân giả thiết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị không sử dụng tài liệu tham khảo.

- Cách ghi trích dẫn phải thống nhất trong toàn bộ bài viết và phù hợp với cách trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Việc trích dẫn là theo thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông và theo thứ tự tăng dần, cách nhau bằng dấu phẩy và không có khoảng trắng, ví dụ [19],[25],[41].

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

- Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.

- Tài liệu được trích dẫn trong bài viết phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết.

- Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.

- Khi một thông tin có nhiều người nói đến thì nên trích dẫn những nghiên cứu/ bài báo/ tác giả có tiếng trong chuyên ngành.

3. Xây dựng và cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo.

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng (trích dẫn) trong luận văn, luận án, bài viết... không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp... Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số (đã được xác định trong danh mục tài liệu tham khảo), không theo tên tác giả và năm. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ

nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

3.1. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, tập san được trình bày như sau:

Họ và tên tác giả được viết đầy đủ đối với tên người Việt Nam; Họ (viết đầy đủ), tên gọi và tên đệm (viết tắt) đối với tên người nước ngoài. Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự (et al-tiếng Anh), năm xuất bản (trong ngoặc đơn), Tên bài báo., *Tên tạp chí, tập san (ghi nghiêng)*, tập (số, không có dấu ngăn cách, đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn), các số trang (gạch nối giữa hai số, dấu chấm kết thúc). Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự (2010), Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi, *Tạp chí nghiên cứu y học*, 3, tr.30-37.
2. Amanda B.R, Donna P.A, Robin J.L et al (2008), Total prostate specific antigen stability confirmed after long-term storage of serum at -80C, *J.Urol*, 180 (2), pp. 534-538.

3.2. Tài liệu tham khảo là một chương (một phần) trong cuốn sách ghi như sau:

Họ và tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). Tên phần (hoặc chương), *Tên sách (ghi nghiêng)*, dấu phẩy cuối tên), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia), tập, trang.. Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ: Kouchoukos N.T (2013), Postoperative care. *Kirklin/Barratt-Boyes Cardiac Surgery*, fourth edition, Elsevier Saunder, Philadenphia, 1, 190-249.

3.3. Tài liệu tham khảo là sách ghi như sau:

Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên sách (ghi nghiêng)*, dấu phẩy cuối), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên

thành phố, không phải ghi tên quốc gia, đặt dấu chấm kết thúc). Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

- Trần Thừa (1999). *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007). *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002). *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Boulding K.E (1995). *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London
- Grace B. et al (1988). *A history of the world*, NJ: Princeton University Press, Princeton.

3.4. Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn, khóa luận ghi như sau:

Tên tác giả, năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên đề tài luận án, luận văn (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên luận án/luận văn)*, bậc học, tên chính thức của cơ sở đào tạo. Ví dụ:

- Đoàn Quốc Hưng (2006). *Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ngoại khoa bệnh thiếu máu chi dưới mạn tính do vữa xơ động mạch*, Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Nguyễn Hoàng Thanh (2011). *Nghiên cứu mức sẵn sàng chi trả cho cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại huyện Kim Bảng, Hà Nam năm 2010*, Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

3.5. Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trong các kỳ yếu của hội nghị, hội thảo, diễn đàn... ghi như sau:

Tên tác giả (năm), Tên bài báo, *Tên kỳ yếu/tên hội nghị/diễn đàn (ghi nghiêng)*, Địa điểm, thời gian tổ chức, cơ quan tổ chức, số thứ tự trang của bài báo trong kỳ yếu. Ví dụ:

- Nguyễn Đức Chính, Phạm Hải Bằng, Phạm Văn Trung và cs (2013), Nhận xét tình hình bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Việt Đức giai đoạn

2010-2012, *Hội nghị khoa học quốc gia về phòng chống HIV/AIDS lần thứ V*, Trường Đại học Y Hà Nội ngày 2-3/12/2013, Bộ Y tế, tr. 342-346

3.6. *Tài liệu tham khảo là các giáo trình, bài giảng hay tài liệu lưu hành nội bộ:* Cần cung cấp thông tin cơ bản về tên tác giả, năm xuất bản, tên giáo trình, bài giảng, nhà xuất bản (nếu có), đơn vị chủ quản. Ví dụ:

- Tạ Thành Văn (2013), *Giáo trình Hóa sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Hội đồng chức danh Nhà nước (2012), *Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2012*, Hà Nội, tháng 5 năm 2012.

3.7. *Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet, báo mạng* (hết sức hạn chế loại trích dẫn này).

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ:

- Nguyễn Trần Bạt (2009). *Cải cách giáo dục Việt Nam*,

<http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngham/giaoduc/cai_cach_giaoduc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009

- Anglia Ruskin University. *Havard system of Referencing Guide*. [online] Available at: <http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/havard.htm> [Accessed 12 August 2011]

- Phụ lục của luận văn: Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận văn như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh, danh sách bệnh nhân theo đúng quy định (không ghi đầy đủ họ tên bệnh nhân nghiên cứu, có mã hồ sơ, xác nhận của cơ sở nghiên cứu và thầy hướng dẫn)... Nếu luận văn sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng

cần nêu trong phụ lục của luận văn. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận văn.

- Gáy luận văn: In các thông tin sau Họ tên học viên, Ngành/chuyên ngành đào tạo và Hải Phòng - năm ...

4. Bảo vệ Luận văn.

- Trong buổi bảo vệ, học viên sử dụng Power Point khi trình bày nội dung luận văn trước Hội đồng.

- Thời gian trình bày tối đa là 20 phút, sau đó học viên trả lời các câu hỏi của Hội đồng chấm luận văn.

- Điểm của luận văn được công bố ngay sau khi kết thúc buổi bảo vệ.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

PHỤ LỤC 1: MẪU BÌA LUẬN VĂN Khổ 210 x 297 mm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

LUẬN VĂN THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

Hải Phòng - 20...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH.....
MÃ SỐ:.....**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Hải Phòng - 20...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC

Hải Phòng – 20...

PHỤ LỤC 2: MẪU TRANG PHỤ BÌA LUẬN VĂN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC
CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH.....
MÃ SỐ:.....**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PHỤ LỤC 3: MẪU MỤC LỤC	Trang
Trang	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục bảng, biểu, sơ đồ, hình vẽ....	
ĐẶT VẤN ĐỀ	
Chương 1	
1.1.....	
1.2.....	
Chương 2	
- 2.1.....	
Chương 3	
Chương 4	
- KẾT LUẬN	
- KIẾN NGHỊ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

PHỤ LỤC 4: MẪU LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quê quán:

Dân tộc:

Đơn vị công tác:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên hệ:

Điện thoại liên hệ : CQ: , NR: , DD: E- mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Nơi đào tạo:

Ngành học:

Nước đào tạo: Năm tốt nghiệp:

Bằng đại học 2: Năm tốt nghiệp:.....

2. Sau đại học

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo:

Nơi đào tạo:

Chuyên ngành học:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ:

Người hướng dẫn: 1.

2.

3. Ngoại ngữ:

Biết ngoại ngữ gì:

1.

Mức độ sử dụng:

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp(bộ, ngành, trường, cơ sở)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố....)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 5:
DANH MỤC MÃ SỐ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Mã số	Ghi chú
1.	Nội khoa	8720107	
2.	Ngoại khoa	8720104	
3.	Nhi khoa	8720106	
4.	Y tế công cộng	8720701	
5.	Y học biển	8729004	
6.	Kỹ thuật XN Y học	8720601	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH

THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG CHO HỌC VIÊN CAO HỌC

1. Đại diện Phòng Đào tạo SDH công bố Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng.
2. Học viên báo cáo tóm tắt đề cương trong 15 phút.
3. Các thành viên Hội đồng đặt câu hỏi về đề cương.
4. Học viên trả lời các câu hỏi.
5. Các thành viên Hội đồng góp ý về đề cương. (Tên đề tài, Mục tiêu nghiên cứu, Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu, Tiến độ, Tính khả thi của đề tài, Cán bộ hướng dẫn đề tài cho học viên.)
6. Hội đồng họp, thảo luận và thống nhất về Tên đề tài, Mục tiêu, Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu, Người hướng dẫn khoa học.
7. Thư ký Hội đồng đọc biên bản của Hội đồng.
8. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng và bế mạc.

Ghi chú: Học viên sửa đề cương theo góp ý của Hội đồng có xác nhận của thầy hướng dẫn, nộp về Phòng Đào tạo Sau đại học muộn nhất là 14 ngày sau khi thông qua.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BIÊN BẢN
THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHÓA

Hội đồng thông qua đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành..... khóa theo Quyết định số:, ngày Tháng năm do Hiệu trưởng (phó Hiệu trưởng) Trường Đại học Y Dược Hải Phòng kí.

Họp ngày:

Chủ tịch Hội đồng điều hành.
Ủy viên thư kí.

Thành viên có mặt:

- | | |
|---------|---------|
| 1 | 4 |
| 2 | 5 |
| 3 | |

Kết quả nhận xét của Hội đồng cho:

Đề tài:

Của học viên:

Góp ý của Hội đồng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

Thư kí Hội đồng

Hải Phòng, ngày tháng năm
Chủ tịch Hội đồng

**BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM PHIẾU HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOÁ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH**

- Căn cứ quyết định số:/QĐ-YDHP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng đánh giá đề cương luận văn thạc sĩ (Y học) cho học viên cao học khóa Ngành/chuyên ngành gồm 5 thành viên.

Hội đồng đã họp ngày tháng năm tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Để đánh giá đề cương luận văn cho học viên:

- Về đề tài:

- Chuyên ngành:

- Mã số :

- Số thành viên có mặt trong phiên họp đánh giá đề cương luận văn là:.....người, trong đó số người nhận xét là:..... người.

- Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu gồm:

1- Trưởng ban:.....

2- Ủy viên :.....

+ Số phiếu đã phát cho các thành viên:

+ Số phiếu còn lại không dùng:

- Kết quả bỏ phiếu đánh giá đề cương luận văn như sau:

+ Số phiếu hợp lệ:

+ Số phiếu **đồng ý** thông qua đề cương:

+ Số phiếu **không đồng ý** thông qua đề cương:

Kết luận:

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

ỦY VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

**XÁC NHẬN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**PHIẾU CHẤM THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN
THẠC SĨ KHÓA NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH**

- 1- Tên học viên:
- 2- Tên đề tài :
- 3- Tên Thầy hướng dẫn:

- 1.
- 2.

4- Ý kiến đóng góp:

Kết luận:

Thông qua:

Không thông qua:

Hải Phòng, ngày tháng năm
NGƯỜI CHẤM
(Ghi rõ họ, tên)

Mẫu: Gia hạn thực hiện luận văn thạc sĩ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA HẠN THỰC HIỆN LUẬN VĂN THẠC SĨ

Kính gửi: - Ban Giám hiệu

- Phòng đào tạo Sau đại học

- Khoa/Bộ môn

Họ và tên học viên:

Lớp:

Ngành/Chuyên ngành:

Cơ quan công tác:

Đã nhận đề tài:.....

Người hướng dẫn:.....

Thời hạn theo lịch bảo vệ luận văn ngày tháng năm tuy nhiên trong quá trình thực hiện luận văn tôi thấy rằng

(lý do gia hạn):.....

Tôi viết đơn này đề nghị Ban Giám hiệu, Phòng ĐTSĐH cho phép tôi được gia hạn thời gian thực hiện luận văn đến ngày tháng năm

Tôi xin cam kết sẽ bảo vệ luận văn đúng thời gian được gia hạn và chấp hành các quy định và thủ tục gia hạn của Nhà trường.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20

Ý kiến người hướng dẫn Học viên

Ý kiến của lãnh đạo Khoa/Bộ môn

Hải Phòng, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
KHÓA

Căn cứ theo quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn thạc sĩ cho học viên chuyên ngành của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ cho học viên chuyên ngành khóa theo quyết định số:/QĐ-YDHP ngày tháng năm được tiến hành tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hồi

cho học viên:

Tên đề tài:

Điều khiển buổi bảo vệ luận văn do Chủ tịch Hội đồng:

NỘI DUNG BUỔI BẢO VỆ

- Thư kí Hội đồng đọc lý lịch khoa học và kết quả học tập của học viên.
- Chủ tịch Hội đồng công bố số thành viên có mặt:.....vắng:.....
- Học viên báo cáo, thời gian:.....
- Các thành viên Hội đồng đọc nhận xét, đặt câu hỏi:

- Học viên trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng:

- Hội đồng họp riêng, bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu chấm điểm luận văn.
- Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả điểm đánh giá và xếp loại luận văn theo kết quả bỏ phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo)
- Kết quả:

- Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng chấm luận văn.

- Học viên phát biểu ý kiến:

Chủ tịch hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

Chủ tịch hội đồng

Ủy viên thư kí

**BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG
CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ CHO HỌC VIÊN
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHÓA.....**

- Căn cứ Quyết định số:/QĐ-YDHP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ khóa chuyên ngành: gồm 5 thành viên.

Hội đồng đã họp ngày.....tháng.....năm tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Đề chấm luận văn cho học viên:

- Về đề tài:

- Chuyên ngành:

- Mã số:

- Số thành viên có mặt trong phiên họp chấm luận văn là:.....người, trong đó số người nhận xét là:.....người.

- Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu gồm:

1- Trưởng ban:.....

2- Ủy viên :.....

+ Số phiếu đã phát cho các thành viên:.....

+ Số phiếu còn lại không dùng:.....

- Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận văn như sau:

+ Số phiếu hợp lệ:.....

+ Số phiếu xếp loại không đạt (<5đ):.....

+ Số phiếu xếp loại trung bình (5-6,99đ):.....

+ Số phiếu xếp loại khá (7-8,99đ):.....

+ Số phiếu xếp loại giỏi (9-9,49đ):.....

+ Số phiếu xếp loại xuất sắc (≥ 9,5đ):.....

Điểm cụ thể					
--------------------	--	--	--	--	--

Điểm trung bình của luận văn là:..... Xếp loại:.....

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

ỦY VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

**XÁC NHẬN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

PHIẾU CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHÓA

- 1- Tên học viên:
- 2- Tên đề tài:
- 3- Tên Thầy hướng dẫn: 1.
2.
- 4- Ý kiến đóng góp:

5 - Điểm cho luận văn:

- + Không đạt : (<5 đ)
- + Trung bình: (5-6đ)
- + Khá: (7-8,99 đ)
- + Giỏi: (9 -9,49đ)
- + Xuất sắc: (≥9,5đ)

Hải Phòng, ngày tháng năm 20
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG GIÁM KHẢO
(GHI RÕ HỌ, TÊN)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là....., học viên cao học khóa.....Trường Đại học Y dược Hải Phòng, chuyên ngành.....

xin cam đoan:

1. Đây là luận văn do bản thân tôi trực tiếp thực hiện dưới sự hướng dẫn của Thầy (Cô).....
 2. Công trình này không trùng lặp với bất kỳ nghiên cứu nào khác đã được công bố tại Việt Nam
 3. Các số liệu và thông tin trong nghiên cứu là hoàn toàn chính xác, trung thực và khách quan, đã được xác nhận và chấp thuận của cơ sở nơi nghiên cứu
- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 20

Người viết cam đoan
(ký và ghi rõ họ tên)